

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2024/HS-ST
Ngày: 27/9/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Mai Phú – Nguyên Phó Hiệu trưởng trường THCS Quang Trung

+ Bà Nguyễn Thị Phương Thùy – Phó Chủ tịch Hội phụ nữ thành phố Đ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 274/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với:

- **Các bị cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức N**, sinh ngày: 01/01/2002, tại: Đồng Nai. Nơi ĐKKHKT: Tổ X, ấp BN1, xã PC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở: Số Y đường LSPT, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 6/12; Giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: không; Con ông: không rõ; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1975; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án: Bản án số 63/2021/HS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Đức N 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/5/2022.

Tiền sự: Quyết định số 16/QĐ-XPHC ngày 20/7/2020 của Công an xã GT1, huyện TN, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Đức N số tiền 1.500.000^d về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa nộp phạt.

Bị bắt tạm giam ngày 29/3/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh ngày: 13/12/2006, tại: Lâm Đồng. Nơi ĐKKHKT: TDP AL, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số Y đường

LSPT, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 9/12; Giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Trần Văn S, sinh năm: 1966; Con bà Quách Thị N1, sinh năm: 1974; Gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 2005, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 29/3/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Bùi Xuân B**, sinh ngày: 10/11/2007, tại: Thái Bình. Nơi ĐKKTTT: thôn ĐM, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số Y đường LSPT, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 9/12; Giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: không; Con ông Bùi Xuân N2, sinh năm: 1981; Con bà Đặng Thị H, sinh năm: 1988; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 147/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Bùi Xuân B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giam ngày 29/3/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa:** Bà Lê Thanh Luyến – Trợ giúp viên pháp lý của Trung T Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T và Bùi Xuân B. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:**

+ Bà Quách Thị N1, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: TDP AL, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Là người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn T. Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Bùi Xuân N2, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: thôn ĐM, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

Là người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Xuân B. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:**

+ Chị Ka HG, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: thôn TH, xã HA, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Ka Th, sinh ngày: 14/12/2006.

Địa chỉ: thôn TH, xã HA, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:**

+ Ông K'N, sinh năm: 1982 và bà Ka H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: thôn 3 HPi, xã BT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày: 29/8/2006.

Địa chỉ: thôn PL, xã PT, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Bùi Thị D, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: thôn PL, xã PT, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức N, sinh năm: 2002, Trần Văn T, sinh ngày 13/12/2006 và Bùi Xuân B, sinh ngày 10/11/2007 là bạn bè với nhau, do không có tiền tiêu xài nên tối ngày 27/3/2024, N nhắn tin rủ T đi cướp tài sản thì T đồng ý và T rủ B ở chung phòng trọ đi cùng thì B đồng ý. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vison, màu trắng, biển số 49AC-100.24 chở B ra Quảng trường Lâm Viên thì gặp N. Khi đi N mang theo một con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ quân băng dính màu đen, mũi nhọn để đe dọa người đi đường nhằm chiếm đoạt tài sản. Sau khi N gặp T với B, T nói Bắc tháo biển số của xe mô tô Honda Vison bỏ trong cốp để tránh bị Công an phát hiện. Sau đó, Bắc điều khiển xe mô tô biển số 49AC-100.24 chở T ngồi giữa, N ngồi sau đi xuống hẻm số 32, đèo Pr, phường 3, thành phố Đ tìm người có tài sản để chiếm đoạt thì thấy chị Ka HG, sinh năm: 2002 và chị Ka Th, sinh ngày 14/12/2006 đang đứng chụp hình tại đây. Sau khi chụp hình xong, chị Ka HG và chị Ka Th điều khiển xe mô tô đi về hướng huyện ĐT nên N nói T điều khiển xe mô tô đi theo phía sau. Khi đi đến gần cuối đèo Pr, T điều khiển xe vượt lên chạy song song với xe của chị HG và giả vờ nói chuyện nhưng chị HG vẫn tiếp tục đi nên T tiếp tục điều khiển xe đi theo phía sau. Khi tới một đoạn đường vắng ở chân đèo Pr thì T chạy vượt xe lên trước rồi dừng xe lại bên lề đường vẫy tay ra hiệu thì chị HG dừng xe lại gần vị trí xe của T. Lúc này, N ném con dao xuống đất nhằm mục đích đe dọa cho chị HG và chị Th sợ, sau đó N nói với chị HG là cho mượn điện thoại để gọi cho bạn. Do sợ hãi nên chị HG đưa cho N 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 4, màu xanh dương thì N cầm lấy điện thoại giả vờ gọi điện rồi đưa điện thoại cho T giữ. Thấy vậy, chị HG chạy lại ôm tay T xin lại điện thoại thì N nhặt con dao dưới đất đưa lên về phía chị HG và nói: "Mày có thả tay ra không" thì chị HG sợ hãi bỏ tay ra khỏi người T. Tiếp đó, N cầm dao trên tay hướng về phía chị Ka Th và nói: "Con còn lại đưa điện thoại đây" thì chị Thùy sợ nên lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu xám hồng đưa cho N. Tiếp đó, N rút chìa khóa xe của chị HG rồi ngồi lên xe cùng T, B đi từ hướng cao tốc vòng qua đèo Tà Nung rồi vòng lên thành phố Đ; trên đường đi, N vứt chìa khóa xe của chị HG vào rừng cây. Tại thành phố Đ, N và T TN đem đi

bán hai chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của chị HG và chị Ka Th rồi T và B mang 02 chiếc điện thoại về phòng trọ ở 50 LSPT, Phường A, thành phố Đ để cất giấu, khi chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an thu giữ và đưa về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, N cùng B và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 4, màu xanh dương, số IMEI 1: 860577044979314; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu xám hồng; 01 con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm, có cán bằng gỗ quấn băng dính màu đen, mũi nhọn; 01 xe mô tô hiệu Honda Vison màu trắng, biển số: 49AC-100.24, số máy: JK03E6316761, số khung: RLHJK0342RZ401233.

*** Bị hại:**

1. Chị Ka HG, sinh năm: 2002; HKTT: thôn TH, xã HA, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 4, màu xanh dương, số IMEI: 860577044979314. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 10/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Đ kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động trên là 2.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại điện thoại trên cho chị HG, chị HG không có yêu cầu gì khác và đã viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

2. Chị Ka Th, sinh ngày 14/12/2006, hiện trú tại: thôn TH, xã HA, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Oppo A83, màu xám hồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 10/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động trên là 1.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại điện thoại trên cho chị Thùy, chị Thùy không có yêu cầu gì khác và đã viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 275/CT-VKSĐL-LĐ ngày 05/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo Nguyễn Đức N, Trần Văn T, Bùi Xuân B về tội: “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo không khiêu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N, Trần Văn T, Bùi Xuân B phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các điểm h, o Khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Đức N mức hình phạt từ 09 năm tù đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn T, Bùi Xuân B mỗi bị cáo mức hình phạt từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Người bào chữa: về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo T và B thì người bào chữa không có ý kiến. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét tình tiết các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên có phần hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại và được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

- Người bị hại: trước khi xét xử, gia đình các bị cáo đã cùng nhau bồi thường cho tôi và chị Ka HG mỗi người 2.000.000 đồng, tôi xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: bị cáo rất ân hận và đã thấy được hành vi sai trái của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, tình tiết định khung hình phạt và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo đều biết rõ việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Đức N đã rủ rê các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Xuân B thực hiện tội phạm, cụ thể như sau:

Tối ngày 27/3/2024, N nhắn tin rủ T đi cướp tài sản thì T đồng ý và T rủ B ở chung phòng trọ đi cùng thì B đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vison, màu trắng, biển số 49AC-100.24 chở B đi đón N. Khi đi N mang theo một con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ quắn băng dính màu đen, mũi nhọn để đe dọa người đi đường nhằm chiếm đoạt tài sản. Bắc điều khiển xe mô tô biển số 49AC-100.24 chở T ngồi giữa, N ngồi sau đi xuống gần cuối đèo Pr, khi tới một đoạn đường vắng ở chân đèo Pr thì T chạy vượt xe lên trước rồi dừng xe lại bên lề đường vẫy tay ra hiệu cho chị Ka HG đang chở chị Ka Th dừng xe lại gần vị trí xe của T. Lúc này, N ném con dao xuống đất nhằm mục đích đe dọa cho chị HG và chị Th sợ, sau đó N lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 4, màu xanh dương của chị Ka HG rồi đưa điện thoại cho T giữ. Khi chị HG chạy lại ôm tay T xin lại điện thoại thì N nhặt con dao dưới đất lên đưa về phía chị HG và nói: "Mày có thả tay ra không" thì chị HG sợ hãi bỏ tay ra khỏi người T. Tiếp đó, N cầm dao trên tay hướng về phía chị Ka Th và nói: "con còn lại đưa điện thoại đây" thì chị Thùy sợ nên lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu xám hồng đưa cho N. Tiếp đó, N rút chìa khóa xe của chị HG rồi ngồi lên xe cùng T, B đi từ hướng cao tốc vòng qua đèo Tà Nung rồi vòng lên thành phố Đ; trên đường đi, N vứt chìa khóa xe của chị HG vào rừng cây. Tại thành phố Đ, N và T TN đem đi bán hai chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của chị HG và chị Ka Th rồi T và B mang 02 chiếc điện thoại về phòng trọ ở 50 đường LSPT, Phường A, thành phố Đ để cất giấu, khi chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an thu giữ và đưa về trụ sở làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 10/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 4, màu xanh dương, số IMEI: 860577044979314 là 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 10/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A83, màu xám hồng là 1.500.000 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: hành vi dùng dao để đe dọa rồi

chiếm đoạt tài sản của những người bị hại của các bị cáo Nguyễn Đức N, Trần Văn T, Bùi Xuân B phạm tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án bị cáo N có vai trò là người chủ mưu, cầm đầu nên phải chịu mức hình phạt cao nhất; các bị cáo T, B có vai trò là người giúp sức tích cực, trong đó bị cáo T là người rủ rê bị cáo B nên có vai trò cao hơn, tuy nhiên bị cáo B là người có nhân thân xấu nên phải chịu mức hình phạt ngang bằng với bị cáo T là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định bị can Trần Văn T mượn xe mô tô hiệu Honda Vison, màu trắng, biển số 49AC-100.24 của chị Nguyễn Diệu L1 để chở Nguyễn Đức N và Bùi Xuân B đi cướp tài sản, chiếc xe trên chị L1 mượn của mẹ ruột là Bùi Thị D. Bà D và chị L1 không biết việc T sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý đối với bà D và chị L1. Ngày 08/7/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 2780 trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda Vison, màu trắng, biển số 49AC-100.24 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị D.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo xúi dục các bị cáo T, B là người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt có xem xét: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền 2.000.000^d (*hai triệu đồng*), những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng cho các bị cáo T, B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; áp dụng cho bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có ông ngoại là người có công nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Trần Văn T và Bùi Xuân B đều đang trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên áp dụng quy định về xử lý đối với người dưới 18 tuổi quy định tại Chương XII của Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, táo bạo, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho chị Ka HG và chị Ka Th, trả lại tài sản cho người liên quan. Vật chứng còn lại trong vụ án là 01 con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm, có cán bằng gỗ quắn bằng dính màu đen, mũi nhọn, đây là công cụ các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Đức N, Trần Văn T, Bùi Xuân B phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các điểm h, o Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Đức N 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2024.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn T 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2024.

1.3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Xuân B 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2024.

[2] Xử lý vật chứng:

Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 60cm (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ*).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp chưa các bị cáo dưới 18 tuổi, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đ;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Bình